

Bản án số: 28/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 13/8/2022

V/v tranh chấp Hôn nhân & gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ỨNG HÒA - THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thiện

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Vân và ông Đặng Viết Côi

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyên, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ứng Hoà, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ứng Hoà tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Tuấn Anh, Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ứng Hoà, thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 206/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2022 về “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 31/2022/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Thu H - sinh năm 1984 (có mặt)

Nơi ĐKKHKT: Xóm S, xã S1, huyện K, tỉnh Hòa Bình.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Hà M - sinh năm 1983 (vắng mặt)

Nơi ĐKKHKT: Thôn Đ, xã H, huyện U, thành phố Hà Nội

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn ly hôn, bản tự khai chị Bùi Thị Thu H là nguyên đơn trình bày: chị và anh Nguyễn Hà M qua một thời gian tìm hiểu thì cả hai kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hòa Nam năm 2010. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng sống được khoảng một năm thì anh M đi xuất khẩu lao động ở Hàn Quốc. Trong thời gian anh đi xuất khẩu thì chị và con sinh sống trong quê ngoại; cuộc sống chung của vợ chồng diễn ra bình thường. Đến năm 2017, anh M về nước; cuộc sống chung của hai vợ chồng liên tục xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống; chị đã phân tích, giải thích xong anh M không đồng ý, giữ cái tôi của mình quá lớn nên vợ chồng lại ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, anh M vẫn có trách nhiệm với con xong hai vợ chồng không ai quan tâm đến ai; không có trách nhiệm với nhau. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt nên chị cương quyết xin ly hôn anh M. Về con chung: chị và anh M có 01 con chung là

Nguyễn Hà Thành P – sinh ngày 17/02/2013. Hiện cháu P đang ở với chị. Từ trước đến nay, chị là người trực tiếp, chăm sóc con; bản thân cháu P cũng có nguyện vọng ở với chị; chị mở cửa hàng kinh doanh tạp hóa tại nhà, mức thu nhập bình quân là 7.000.000 đồng/tháng; bản thân chị cũng có nhà ở Sào Báy, Kim Bôi, Hòa Bình; đồng thời cháu đang học ổn định trong Sào Báy. Về chỗ ở, điều kinh tế chị đảm bảo được việc nuôi con. Về tiền cấp dưỡng nuôi con, anh M chủ động; chị không đề nghị anh M cấp dưỡng. Về tài sản, công nợ chung: chị không yêu cầu đề nghị Tòa giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Hà M không có quan điểm, ý kiến.

Ông Nguyễn Hà B là bố của anh Nguyễn Hà M tình bày: Ông là bố của anh M, năm 2010 thì hai anh chị tổ chức cưới hỏi theo phong tục và có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, hai anh chị ở vào huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình sinh sống và mua đất làm nhà. Hai vợ chồng liên tục xảy ra mâu thuẫn. Năm 2017 thì anh M về ở chung với vợ chồng ông còn mẹ con chị H vẫn ở trong huyện Kim Bôi. Anh M vẫn có trách nhiệm kinh tế và vẫn thăm hỏi con thường xuyên. Hai anh chị đã ly thân từ lâu, nay chị H có đơn xin ly hôn; ông tôn trọng ý kiến của các anh chị; đối với cháu P mãi mãi là con cháu nhà ông nhưng do cháu ở ổn định với chị H nhiều năm nên để chị H nuôi con. Do anh M đi làm nên ông nhận thay và giao ngày các văn bản tố tụng luôn trong ngày cho anh M.

Tại phiên tòa, anh Nguyễn Hà M vắng mặt không có lý do, không xuất trình tài liệu chứng cứ. Chị Bùi Thị Thu H có mặt tại phiên tòa và vẫn giữ nguyên quan điểm, không xuất trình thêm tài liệu chứng cứ nào khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ứng Hòa có quan điểm: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đầy đủ các quy định về tố tụng dân sự như tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự, tạo điều kiện cho họ được trình bày quan điểm, tiến hành hòa giải theo đúng quy định. Hội đồng tiến hành xét xử vụ án đúng quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: đề nghị Tòa giải quyết xử cho chị Bùi Thị Thu H được ly hôn anh Nguyễn Hà M. Về con chung, giao chị H là người trực tiếp trong nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Hà Thành P – sinh ngày 17/02/2013; tạm hoãn tiền cấp dưỡng nuôi con đối với anh M cho đến khi có thay đổi khác; anh M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai cản trở. Anh M phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thực hiện tố tụng của Tòa án:

Về phạm vi khởi kiện, quan hệ pháp luật: Chị Bùi Thị Thu H có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Ứng Hòa giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Hà M. Do vậy, đây là tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo khoản 1 Điều 28 BLTTDS.

Về thẩm quyền: Quan hệ pháp luật là tranh chấp Hôn nhân và gia đình, bị đơn là anh Nguyễn Hà M có đăng ký nơi cư trú: Thôn Đình Xuyên, xã Hòa Nam, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội theo điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án Toà án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, triệu tập anh Nguyễn Hà M đến toà án làm việc theo đúng trình tự của Bộ luật tố tụng dân sự; xong anh M vắng mặt tất cả các buổi làm việc tại tòa cũng như vắng mặt phiên tòa ngày 06/8/2022 nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay, anh M vắng mặt lần thứ 2 không có lý do nên căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử đối với vụ án.

[1.2] Về chứng cứ: Tại biên bản về kiểm tra việc giao nộp chứng cứ và các tài liệu được công bố tại phiên tòa; các đương sự đều xác nhận các tài liệu giao nộp đầy đủ trong hồ sơ vụ án, không còn tài liệu chứng cứ nào khác cần bổ sung. Các đương sự đã được tiếp cận toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ do các đương sự cung cấp; không có ý kiến nào phản đối về chứng cứ. Do vậy, những tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án mà Tòa án sử dụng làm căn cứ giải quyết, đủ điều kiện là chứng cứ theo Điều 92, Điều 93 của BLTTDS.

[2] Về hôn nhân: Chị Bùi Thị Thu H và anh Nguyễn Hà M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hòa Nam, huyện Ứng Hòa, TP. Hà Nội ngày 16/7/2010 là hôn nhân hợp pháp. Sau một thời gian chung sống hạnh phúc thì xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không tìm thấy tiếng nói chung; hai vợ chồng sống ly thân từ cuối năm 2017; không ai quan tâm ai. Qua xác minh tại chính quyền địa phương cung cấp: cuộc sống chung giữa vợ chồng chị H và anh M liên tục xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không có niềm tin với nhau. Anh M về quê sinh sống từ năm 2017 đến nay. Nay chị M có đơn ly hôn, chính quyền địa phương có ý kiến: đề nghị Tòa căn cứ vào thực tế và quy định của pháp luật để giải quyết đảm bảo quyền lợi cho các đương sự.

Xét thấy: Cuộc sống giữa chị H và anh M mâu thuẫn từ lâu đã đến mức trầm trọng, sống ly thân, mục đích hôn nhân không đạt. Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của chị H là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình.

[3] Về con chung: Chị Bùi Thị Thu H và anh Nguyễn Hà M có 01 con chung là cháu Nguyễn Hà Thành P – sinh ngày 17/02/2013.

Xét về tính ổn định, môi trường sinh hoạt cũng như tuổi của con thì Hội đồng xét xử thấy: anh M, chị H đã có nhà riêng (tại Sào Báy, Kim Bôi, Hòa Bình) hiện tại chị H và cháu P đang ở ổn định còn anh M thì về quê sống cùng bố mẹ (tại Hòa Nam, Ứng Hòa, Hà Nội). Chị H làm lao động tự do mức thu nhập 7.000.000đ/tháng. Như vậy, về điều kiện kinh tế và chỗ ở thì chị H đảm bảo được việc nuôi con. Đồng thời cháu P đang ở và học tập ổn định tại xã Sào Báy, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình và có đơn đề nghị được ở với chị H khi bố mẹ ly hôn. Bản thân anh M cũng không có quan điểm, ý kiến gì. Đại diện chính quyền địa phương cũng có quan điểm đề nghị Tòa căn cứ thực tế giải quyết để đảm bảo sự ổn định và quyền lợi, sự P triển của trẻ em. Vì vậy, giao chị H nuôi cháu P là phù hợp với khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Chị H không đề nghị anh M cấp dưỡng tiền nuôi con nên tạm hoãn tiền cấp dưỡng nuôi con đối với anh M cho đến khi có thay đổi khác; anh M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở là phù hợp Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản, công nợ chung: Chị Bùi Thị Thu H và anh Nguyễn Hà M không đề nghị Tòa giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Bùi Thị Thu H phải nộp án phí ly hôn và các đương sự đều được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ theo khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều; Điều 227, Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình (năm 2014);

Căn cứ Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chị Bùi Thị Thu H được ly hôn anh Nguyễn Hà M.

2. Về con chung: Chị Bùi Thị Thu H và anh Nguyễn Hà M có 01 con chung. Sau ly hôn, giao chị H là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Hà Thành P – sinh ngày 17/02/2013; tạm hoãn tiền cấp dưỡng nuôi con đối với anh M cho đến khi có đề nghị thay đổi khác. Anh M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

“Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó”.

3. Về tài sản, công nợ chung: Chị Bùi Thị Thu H và anh Nguyễn Hà M đều không yêu cầu Tòa giải quyết.

4. Về án phí: Chị Bùi Thị Thu H phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: 0057550 ngày 13 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt nên có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội;
- VKSND huyện Ứng Hoà;
- Chi cục THADS Ứng Hoà;
- Cơ quan thực hiện ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hs; V/P./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Thiện